













	<i>quốc gia</i>																		
1	Dự án ....																		
2	Dự án ....																		
...	.....																		
<i>b</i>	<b>Dự án nhóm A</b>																		
1	Dự án ....																		
2	Dự án ....																		
...	.....																		
<i>b</i>	<b>Dự án nhóm B</b>																		
1	Dự án ...																		
...	...																		
<i>d</i>	<b>Dự án nhóm C</b>																		
1	Dự án ...																		
...	.....																		
(2)	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm ... (năm kế hoạch)</b>																		
	<b>Phân loại như điểm (1)</b>																		

10/10/2010

... ..																				
<b>(3) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm ... (năm kế hoạch)</b>																				
<i>Phân loại như điểm (1)</i>																				
.. .....																				
<b>(4) Các dự án khởi công mới năm ... (năm kế hoạch)</b>																				
<i>Phân loại như điểm (1)</i>																				
..... ... ..																				
<b>Ngành, Lĩnh II vực/Chương trình.....</b>																				
<b>Phân loại như trên</b>																				

Ghi chú:















trình .....																			
Phân loại ... như trên																			
Các chương trình, dự án khác giải ngân theo cơ chế IV tài chính trong nước (nếu có phát sinh trong năm ... (năm kế hoạch))																			
Phân loại ... như trên																			

Ghi chú

(\*) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang năm.... (năm hiện hành) (nếu có)

Mẫu biểu số 25

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT (GIẢI  
NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM...**

*(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế  
hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)*

























nguồn vốn khác (nếu có, ghi cụ thể từng nguồn vốn)																				
...	.....																			

Ghi chú:

(1) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang năm hiện hành (nếu có)

...., ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CƠ BẢN NĂM...***(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ...- ...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch)
A	B	C	1	2	3	4
1	Diện tích	ha				
	Trong đó:					
	- Đất nông nghiệp	ha				
	- Đất lâm nghiệp	ha				
	- Diện tích khu bảo tồn thiên nhiên	ha				
	- Diện tích rừng tự nhiên	ha				
	- Diện tích trồng lúa	ha				
2	Dân số	người				
	Trong đó:					
	- Dân số đô thị	người				
	- Dân số đồng bằng	người				
	- Dân số miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	người				
	- Dân số vùng cao - hải đảo	người				
	- Tốc độ tăng dân số	%				
	- Trẻ em dưới 6 tuổi	người				
	- Dân số trong độ tuổi đến trường từ 18 tuổi trở xuống	người				
	- Dân số sinh sống ở các loại đô thị:	người				
	+ Loại đặc biệt	người				
	+ Loại I	người				
	+ Loại II	người				
	+ Loại III	người				

	+ Loại IV	người				
	+ Loại V	người				
	- Dân số là người dân tộc thiểu số	người				
	- Dân số nhập cư vắng lai	người				
3	Đơn vị hành chính cấp huyện.	huyện				
	Trong đó:					
	- Số đô thị loại I (thuộc tỉnh)	đô thị				
	- Số đô thị loại II	đô thị				
	- Số đô thị loại III	đô thị				
	- Số đô thị loại IV	đô thị				
	- Số đô thị loại V	đô thị				
	- Số huyện đảo không có đơn vị hành chính xã	huyện				
	- Số huyện thuộc Chương trình 30a	huyện				
	- Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	huyện				
4	Đơn vị hành chính cấp xã	xã				
	Trong đó:					
	- Xã biên giới	xã				
	+ Xã biên giới giáp Lào, Campuchia	xã				
	+ Xã biên giới giáp Trung Quốc	xã				
	- Xã đảo	xã				
	- Số xã thuộc huyện 30a	xã				
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	xã				
5	Số đơn vị hành chính mang tính đặc thù	đơn vị				
	Trong đó: - cấp tỉnh	đơn vị				
	- cấp huyện	đơn vị				
6	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GRDP)	%				
	Trong đó:					
	- Ngành công nghiệp xây dựng	%				

	- Ngành nông lâm thủy sản	%				
	- Ngành dịch vụ	%				
7	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)					
	- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng	tỷ đồng				
	- Giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản	tỷ đồng				
	- Giá trị ngành dịch vụ	tỷ đồng				
	- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng	%				
	- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản	%				
	- Tỷ trọng giá trị ngành dịch vụ	%				
8	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%				
9	Kim ngạch xuất nhập khẩu	triệu USD				
	Trong đó:					
	- Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD				
	- Kim ngạch nhập khẩu	triệu USD				
10	Số doanh nghiệp	doanh nghiệp				
	- Số vốn bình quân/doanh nghiệp	tỷ đồng				
	- Số doanh nghiệp nhỏ và vừa	doanh nghiệp				
11	Giải quyết việc làm	người				
12	Số lượt khách du lịch	người				
13	Số người nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia	lượt người				
	Trong đó:					
	- Số người nghèo theo tiêu chí thu nhập	người				
	- Số người nghèo do thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản	người				
	- Tỷ lệ nghèo	%				

14	Giáo dục, đào tạo					
	- Số giáo viên	người				
	- Số học sinh	học sinh				
	Trong đó:					
	+ Học sinh Dân tộc nội trú	học sinh				
	+ Học sinh bán trú	học sinh				
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	học sinh				
	- Số trường đại học, cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	trường				
15	Y tế:					
	- Cơ sở khám chữa bệnh	cơ sở				
	- Số giường bệnh	giường				
	Trong đó:					
	+ Giường bệnh cấp tỉnh	giường				
	+ Giường bệnh cấp huyện	giường				
	+ Giường phòng khám khu vực	giường				
	+ Giường y tế xã phường	giường				
	- Số đối tượng mua BHYT					
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	người				
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	người				
	+ Người thuộc hộ nghèo	người				
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Triệu đồng				
	+ Người hiến bộ phận cơ thể	người				
	+ Học sinh, sinh viên	người				
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung	người				

	phong					
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	người				
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	người				
16	Chỉ tiêu bảo đảm xã hội					
	- Trung tâm bảo trợ xã hội	cơ sở				
	- Số đối tượng sống tại trung tâm bảo trợ xã hội	người				
	- Đối tượng cứu trợ xã hội không tập trung	người				
	- Số gia đình bệnh binh	gia đình				
	- Số gia đình thương binh	gia đình				
	- Số gia đình liệt sỹ	gia đình				
	- Số gia đình có công với đất nước	gia đình				
	- Số gia đình có Bà mẹ Việt Nam anh hùng	gia đình				
	- Số gia đình có anh hùng lực lượng vũ trang	gia đình				
	- Số gia đình có người hoạt động kháng chiến	gia đình				
	- Số gia đình có người có công giúp đỡ cách mạng	gia đình				
	- Người bị nhiễm chất độc màu da cam	người				
	- Số hộ gia đình dân tộc thiểu số	hộ				
	Trong đó: Số hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo	hộ				
	- Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội	người				
17	Văn hóa thông tin					
	- Số đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp	đoàn				
	- Số đoàn nghệ thuật truyền thống	đoàn				
	- Số đội thông tin lưu động	đội				
	- Di sản văn hóa thế giới	di sản				

	- Di sản văn hóa cấp quốc gia	di sản				
18	Phát thanh, truyền hình					
	Số huyện ở miền núi-vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu có trạm phát lại phát thanh truyền hình	huyện				
19	Thẻ dực thể thao					
	- Số vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia	người				
	- Số vận động viên khuyết tật tham gia các giải do Trung ương tổ chức	người				

....., ngày ... tháng ... năm ...  
**TM/ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

UBND tỉnh, thành phố.....

Mẫu biểu số 29.1

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM .....**

**(Dùng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)**

*(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ không hoàn lại				
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA</b>				



	<b>PHƯƠNG</b>				
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>				
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%				
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %				
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>				
1	Chi đầu tư phát triển (1)				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
4	Dự phòng ngân sách				
5	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>				
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>				

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc, lãi, phí (nếu có)

....., ngày tháng năm  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

UBND tỉnh, thành phố.....

Mẫu biểu 29.2

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM .....**

(Dùng cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ không hoàn lại				
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>				
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>				
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%				
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %				
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>				

1	Chi đầu tư phát triển (1)				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi trả nợ lãi, phí				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách				
6	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>				
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>				
<b>D</b>	<b>BỘI CHI/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>				
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>				
<b>F</b>	<b>TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>				

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc (nếu có).

...., ngày ... tháng ... năm ...  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

UBND tỉnh, thành phố.....

Mẫu biểu số 30

**KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM...**

*(Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)*

Đơn vị: Triệu đồng

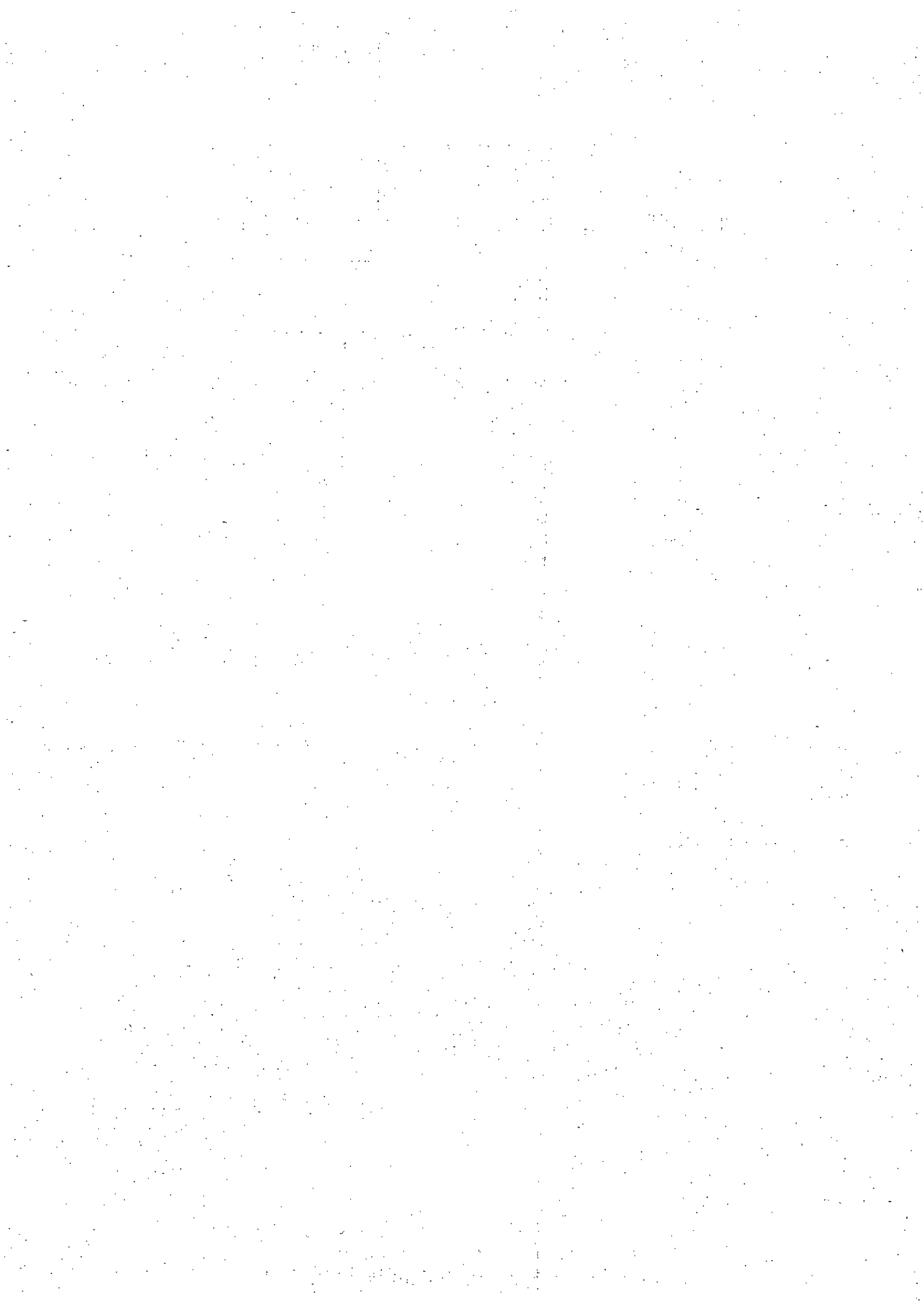
STT	Nội dung	Thực hiện	Năm....(năm hiện	Dự toán
-----	----------	-----------	------------------	---------

		năm... (năm trước)	hành)		năm... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP</b>				
<b>B</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>				
<b>C</b>	<b>KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng dư nợ đầu năm</b>				
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>				
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)				
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
<b>II</b>	<b>Trả nợ gốc vay trong năm</b>				
<b>1</b>	<b>Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay</b>				
-	Trái phiếu chính quyền địa phương				
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước				
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
<b>2</b>	<b>Nguồn trả nợ</b>				
-	Từ nguồn vay				
-	Bội thu ngân sách địa phương				
-	Tăng thu, tiết kiệm chi				
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh				
<b>III</b>	<b>Tổng mức vay trong năm</b>				
<b>1</b>	<b>Theo mục đích vay</b>				
-	Vay bù đắp bội chi				
-	Vay trả nợ gốc				

2	Theo nguồn vay				
-	Trái phiếu chính quyền địa phương				
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước				
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
<b>IV</b>	<b>Tổng dư nợ cuối năm</b>				
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>				
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)				
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
<b>D</b>	<b>Trả nợ lãi, phí</b>				
-					

Ghi chú: (1) Chi tiết theo từng dự án.

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM .....**  
*(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm ... (năm hiện hành)		Thực hiện năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)</b>						
<b>I</b>	<b>THU NỘI ĐỊA</b>						
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí</i>						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						

	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>						
	- Thuế tài nguyên						
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>						
<b>2</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý</b>						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>						
	- Thuế tài nguyên						
<b>3</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</b>						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>						
	- Thu từ khí thiên nhiên						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	<i>Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập</i>						



	<i>khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>					
	- Thuế tài nguyên					
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>					
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước					
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>					
<b>4</b>	<b>Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh</b>					
	- Thuế giá trị gia tăng					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>					
	- Thuế tài nguyên					
<b>5</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>					
<b>6</b>	<b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>					
<b>7</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>					
<b>8</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>					
<b>9</b>	<b>Thuế bảo vệ môi trường</b>					
	<i>Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>					
	<i>- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước</i>					
<b>10</b>	<b>Phí, lệ phí</b>					
	<i>Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước</i>					

	<i>trung ương thu</i>						
	<i>- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu</i>						
	<i>Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>						
<b>11</b>	<b>Tiền sử dụng đất</b>						
	<i>Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý</i>						
	<i>- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý</i>						
<b>12</b>	<b>Thu tiền thuê đất, mặt nước</b>						
<b>13</b>	<b>Thu tiền sử dụng khu vực biển</b>						
	<i>Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương</i>						
	<i>- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương</i>						
<b>14</b>	<b>Thu từ bán tài sản nhà nước</b>						
	<i>Trong đó: - Do trung ương quản lý</i>						
	<i>- Do địa phương quản lý</i>						
<b>15</b>	<b>Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước</b>						
	<i>Trong đó: - Do trung ương xử lý</i>						
	<i>- Do địa phương xử lý</i>						
<b>16</b>	<b>Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</b>						

17	Thu khác ngân sách						
	<i>Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương</i>						
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
	<i>Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp</i>						
	<i>- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp</i>						
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)						
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)						
II	<b>THU TỪ DẦU THÔ</b>						
III	<b>THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU</b>						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
4	Thuế bảo vệ môi trường						
5	Thuế giá trị gia tăng						

Ghi chú: (1) Bao gồm các khoản thu NSDP hưởng 100%, các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP.

....., ngày ... tháng ... năm ...  
**T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM .....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm... (năm hiện hành)	Ước TH năm... (năm hiện hành)	Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
A	B	1	2	3
<b>A</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ (I+II)</b>			
<b>I</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>			
	<i>Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (1)</i>			
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>			
<b>1.1</b>	<b>Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật</b>			
<b>1.2</b>	<b>Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)</b>			
	<b>Trong đó:</b>			
<b>1.2.1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn</b>			
<b>a</b>	<b>Chi đầu tư XDCB vốn trong nước</b>			
<b>b</b>	<b>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</b>			
<b>c</b>	<b>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</b>			
<b>d</b>	<b>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương</b>			
<b>1.2.2</b>	<b>Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực</b>			
<b>a</b>	<b>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>			
<b>b</b>	<b>Chi khoa học và công nghệ</b>			
<b>c</b>	<b>Chi quốc phòng</b>			
<b>d</b>	<b>Chi an ninh</b>			

<i>d</i>	<i>Chi y tế, dân số và gia đình</i>			
<i>e</i>	<i>Chi văn hóa thông tin</i>			
<i>g</i>	<i>Chi phát thanh, truyền hình</i>			
<i>h</i>	<i>Chi thể dục thể thao</i>			
<i>i</i>	<i>Chi bảo vệ môi trường</i>			
<i>k</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế</i>			
<i>l</i>	<i>Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</i>			
<i>m</i>	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>			
<i>n</i>	<i>Chi khác</i>			
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>			
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>			
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>			
<i>c</i>	<i>Chi quốc phòng</i>			
<i>d</i>	<i>Chi an ninh</i>			
<i>đ</i>	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>			
<i>e</i>	<i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>			
<i>g</i>	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình</i>			
<i>h</i>	<i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>			
<i>i</i>	<i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>			
<i>k</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế</i>			
<i>l</i>	<i>Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</i>			
<i>m</i>	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>			
<i>n</i>	<i>Chi khác</i>			
<b>3</b>	<b>Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay</b>			
<b>4</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>			
<b>5</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>			
<b>6</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>			
<b>1</b>	<b>Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia</b>			
<b>2</b>	<b>Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác</b>			

<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định</b>			
<b>B</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>			
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>			

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc, lãi, phí và chưa bao gồm chi từ nguồn bội chi (nếu có).

...., ngày ... tháng ... năm ...  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Số: 123456789/2024/UBND



















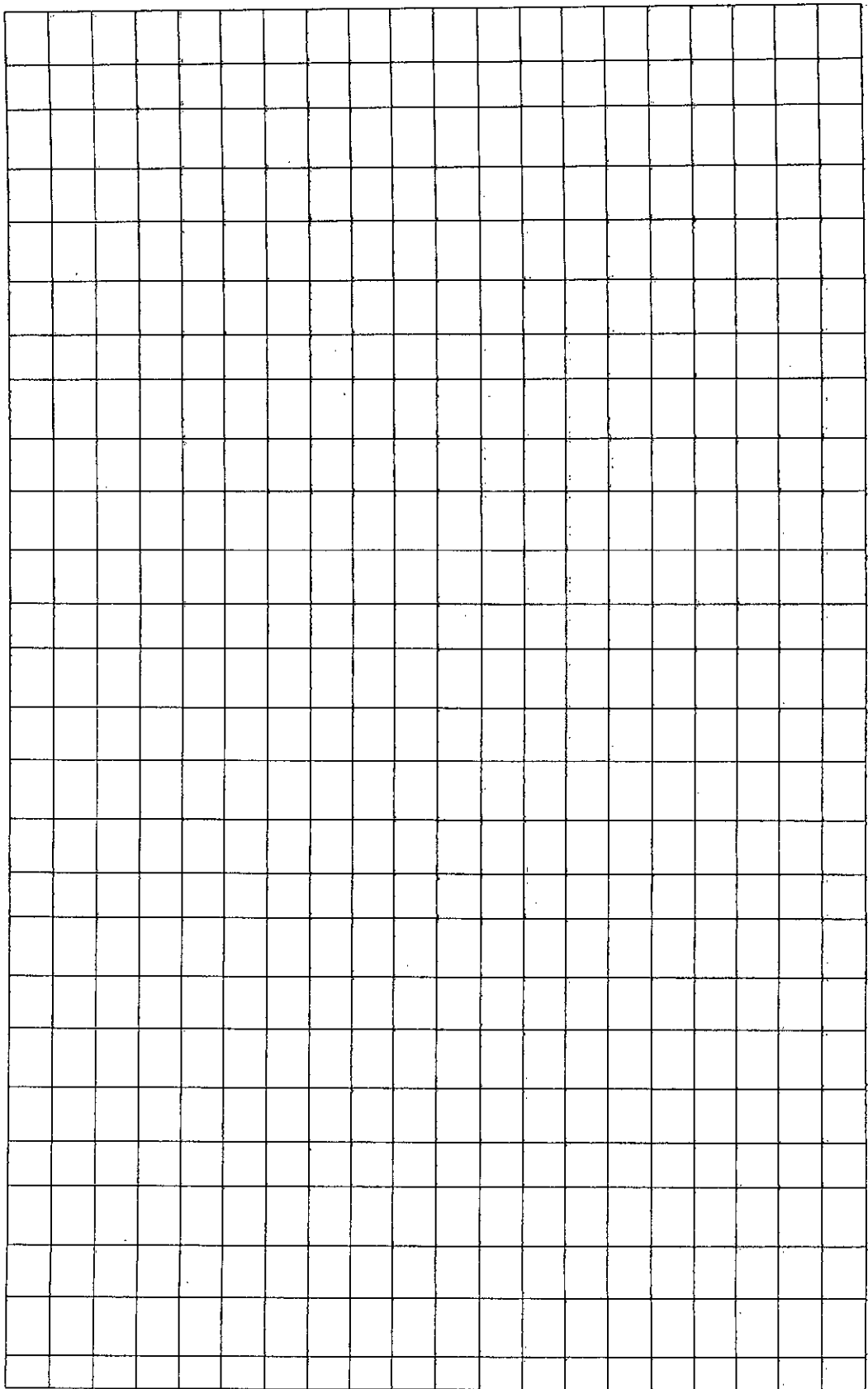




	C																			
1	Dự án ....																			
	....																			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm .... (năm kế hoạch)																			
	<i>Phân loại như điểm (1)</i>																			
	.....																			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế hoạch)																			
	<i>Phân loại như điểm (1)</i>																			
	.....																			
(4)	Các dự án khởi công mới năm... (năm kế hoạch)																			







....., ngày ... tháng ... năm ...  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



UBND TỈNH (THÀNH PHỐ):.....

Mẫu biểu số 35

**DỰ TOÁN THU TỪ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN ĐẶT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ) NĂM...**

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm... (năm hiện hành)	Ước thực hiện năm... (năm hiện hành)	Dự toán năm... (năm kế hoạch)
A	B	1	2	3
	<b>TỔNG SỐ</b>			
1	Sự nghiệp giáo dục			
2	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề			
3	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
4	Sự nghiệp y tế			
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
6	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
7	Sự nghiệp thể dục thể thao			
8	Sự nghiệp bảo vệ môi trường			
9	Sự nghiệp bảo đảm xã hội			
	....			

Ghi chú: Không bao gồm các khoản thuế, lệ phí, phí phải nộp NSNN (nếu có) và chi phí thu

...., ngày ... tháng ... năm ...  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
(Ký tên, đóng dấu)

Bộ, Cơ quan Trung ương:.....

Mẫu biểu số 36

Chương:.....

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM .....**

*Đơn vị: (Đơn vị sử dụng ngân sách)*

*Mã số: (Đơn vị sử dụng ngân sách)*

*Mã KBNN nơi giao dịch*

*(Kèm theo quyết định (theo mẫu A) số: ..... của .....)*

*Đơn vị: triệu đồng*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
2.1	<b>Chi sự nghiệp .....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	



	.....	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

Bộ Tài chính và Ngân hàng

9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	.....	

**Ghi chú:**

- Trong trường hợp ủy quyền cho các đơn vị dự toán cấp II phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách thì do thủ trưởng đơn vị dự toán cấp II ký theo ủy quyền của thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I.

- Chi tiết: các khoản chi bằng lệnh chi tiền; ghi thu ghi chi các dự án ODA.

**Bộ, Cơ quan Trung ương:**.....

**Mẫu biểu số 37**

**Chương:**.....

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...**

(Kèm theo quyết định (theo mẫu A) số: ..... của .....)

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng <sup>(1)</sup>		
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị ....
A	B	1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				

<b>2.1</b>	<b>Chi sự nghiệp .....</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2.2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>				
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước (2)</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				

4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	.....				
	<b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>				
	<b>Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch</b>				

Ghi chú:

(1) Nếu số đơn vị trực thuộc nhiều, có thể đổi chỉ tiêu theo cột ngang thành chỉ tiêu theo hàng dọc, tổng hợp cả số phân bổ của các đơn vị tổ chức theo ngành dọc đã ủy quyền cho các đơn vị cấp II phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

(2) Đối với các nhiệm vụ chi cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền phải chi tiết vào từng lĩnh vực chi, phần kinh phí không thực hiện tự chủ (kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên)

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 38

Chương: .....

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ**

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)																Chênh lệch thu - chi
		Tổng nguồn tài chính của đơn vị					Chi											
							Chi từ nguồn thu được để lại			Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ								
		Tổng cộng	Dự toán NSN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khun g giá NN quy định	Thu dịch vụ tuyế n sinh	Thu từ các hoạt động dịch vụ khá c	Tổng g cộng	Chi thường xuyên		Chi khôn g TX	Tổng cộng	Chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công		Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên				
Quý lươn g	Chi hoạt động chuyê n môn, chi phí quản							Chi hoạt động chuyê n môn, chi phí quản	Chi hoạt động chuyê n môn, chi phí quản			Cấp bù học phí cho sinh sinh	Cấp bù kinh phí sinh viên sư phạ m	Chín h sách cho học sinh dân tộc	Chín h sách khác được nhà nước cấp kinh	Vốn đối ứng các dự án OD A	Các Đề án được Thủ trún g Chín h	Hỗ trợ KP không thườn g xuyên khác



	B																		
...	.....																		
II	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên																		
1	Đơn vị A																		
2	Đơn vị B																		
...	.....																		
III	Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động																		





...	.....																		
-----	-------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 38

Chương: .....

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ**  
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Dự toán năm nay																	Dự kiến chênh lệch thu - chi		
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị					II. Dự toán chi														
							Chi từ nguồn thu được để lại				Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ										
		Tổng cộng	Dự toán NSN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN	Thu dịch vụ tuyển sinh	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác	Tổng cộng	Chi thường xuyên		Chi không TX	Tổng cộng	Chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công		Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên				Chi không thường xuyên			
Quý lương	Chi hoạt động chuyên môn,							Quý lương	Chi hoạt động chuyên môn,			Cấp bù học phí cho	Cấp bù kinh phí sinh viên	Chính sách cho học sinh	Chính sách khác được nhà	Vốn đối ứng các dự án	Các Đề án được thẩm	Hỗ trợ KP không thường			

.....



	tu																			
1	Đơn vị A																			
2	Đơn vị B																			
...	.....																			
II	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên																			
1	Đơn vị A																			
2	Đơn vị B																			
...	.....																			
III	Đơn vị tự đảm bảo một																			







Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 39.1

Chương: .....

**THUYẾT MINH TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM .....**

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao năm .....	Tổng số phân bổ đợt...	Trong đó			Dự toán còn lại chưa phân bổ
				Đơn vị A	Đơn vị B	....	
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng số</b>						
<b>I</b>	<b>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN (chi tiết theo loại, khoản)</b>						
<b>I.1</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia</b>						
	<i>Loại ..... Khoản ..... (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
<b>I.2</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN cấp bộ</b>						
	<i>Loại ..... Khoản ..... (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						

2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
<b>I.3</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở</b>						
	<i>Loại ..... Khoản ..... (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
<b>II</b>	<b>Kinh phí thường xuyên (chia theo loại, Khoản)</b>						
	<i>Loại ..... Khoản ..... (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
<b>A1</b>	<b>Tiền lương và hoạt động bộ máy</b>						
	<i>Kinh phí tự chủ tài chính</i>						
	<i>Kinh phí không tự chủ tài chính</i>						
1	Tiền lương, tiền công						
2	Hoạt động bộ máy						
<b>A2</b>	<b>Hoạt động thường xuyên theo chức năng</b>						
	<i>Kinh phí tự chủ tài chính</i>						
	<i>Kinh phí không tự chủ tài chính</i>						
<b>A3</b>	<b>Kinh phí thường xuyên khác (kinh phí không tự chủ)</b>						
<b>III</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên (chia theo Loại, Khoản)</b>						
<b>A1</b>	<b>Hợp tác quốc tế</b>						
1	- Đoàn ra						
2	- Đoàn vào						











Bộ, cơ quan Trung ương:

.....

Chương:.....

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỎI CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ DỰ PHÒNG NĂM .....**

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 40.1

Đơn vị: triệu đồng

ƯỚC THỰC HIỆN NĂM .... (NĂM HIỆN HÀNH)																												
T	Tên đơn vị	Người lao động		Quý lương			Tỷ lệ NSN/N hỗ trợ lương	Định mức chi chuyển môn	Định mức mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Tổng dự toán chi NSN được sử dụng trong năm	Dự toán chi NSN năm nay	Chi nhiệm vụ thường xuyên					Chi nhiệm vụ không thường xuyên			Bổ sung trong năm			Trong đó					
		Số lượng người làm việc (biên chế)	Hợp đồng	Cộng	Quý lương biên chế có mặt	Quý lương HĐ 68						Chi lương theo chế độ	Phòng chống dịch	Chi hoạt động thường xuyên chuyên môn	Chi đặc thù, lấy mẫu thử, k.tra chất lượng SP, hàng hóa	Cộng	Mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Thư o các DA được duyệt	Cộng	Thường xuyên	Không thường xuyên	Tổng thu phí và thu khác	Thu hoạt động dịch vụ	Thu khác	L	P	hí	
																												Kế hoạch
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9	10=11+12	11=12+13	12=13+14	13	14	15	16	17=18+19	18	19	20=21+22	21	22	23	24	25	26	27































		lượng người làm việc (biên chế)		đồng g 68		lương g biên chế có mặt	lương g HD 68	g GB	g đó tăng (+), giảm (-) trong năm	Tiền lương g	Chi thường xuyên g	Chi mua sắm, sửa chữa	SỬ DỤNG TRONG NĂM	GIA O LÀN NÀY	xuyên g	thường xuyên g	khoản chi đặc thù	c (Phụ cấp đặc thù theo QĐ 73, QĐ 46)	g xuyên	bệnh viện vệ tinh, 1816.	sắm đặc thù theo Đề án, nhiệm vụ khác	sắm, sửa chữa TSCĐ thường xuyên	
		Kế hoạch	Có mặt																				
A	B	41	42	43	44= 45+46	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62
A	Phân bổ theo đơn vị																						
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu																						



bảo đảm toàn bộ chi thườn g xuyên																				
Tên đơn vị																				
<b>B</b> Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																				
Đề án...																				
Nhiệm vụ...																				
Tổng cộng																				

Mẫu biểu số 40.2

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỐI ĐƠN VỊ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM .....



<b>II</b>	<b>Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên</b>																		
	Tên đơn vị																		
<b>III</b>	<b>Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</b>																		
	Tên đơn vị																		
<b>IV</b>	<b>Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên</b>																		
	Tên đơn vị																		
<b>B</b>	<b>Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này</b>																		
	Đề án...																		
	Nhiệm vụ...																		
	<b>Tổng cộng</b>																		

Bộ, cơ quan Trung ương:

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THÔNG TIN NĂM.....**

Mẫu biểu số 41

.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Chương:....

Đơn vị: triệu đồng

ST	Nội	Ước thực hiện năm trước
----	-----	-------------------------

























	<b>động</b>																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	
<b>IV</b>	<b>Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động</b>																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	
<b>C</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ KHÁC</b>																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	

Bộ, cơ quan Trung ương:

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC, THỂ THAO NĂM.....**

Mẫu biểu số 43

.....

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Chương:.....

Đơn vị: triệu đồng

<b>ST</b>	<b>Nội</b>	<b>Ước thực hiện năm trước</b>															
		<b>T</b>	<b>đ</b>	<b>Tổng nguồn tài</b>	<b>Dự toán chi</b>												















Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 44.1

Chương: .....

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM .....**  
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
	<b>Tổng chi</b>		
<b>I</b>	<b>Kinh phí chi thường xuyên</b>		
1	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết định)		
2	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)		
<b>II</b>	<b>Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên</b>		
1	<i>Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường (1)</i>		
a	Dự án chuyển tiếp		
	- Dự án A		
	- Dự án....		
b	Dự án mở mới		
	- Dự án A		
	- Dự án....		
2	<i>Hỗ trợ xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích theo quyết định của cấp có thẩm quyền (1)</i>		
a	Dự án chuyển tiếp		
	- Dự án A		
	- Dự án....		
b	Dự án mở mới		
	- Dự án A		

	- Dự án....		
3	<b>Chi các hoạt động khác (2)</b>		
1	Vốn đối ứng dự án bảo vệ môi trường		
2	...		

*Ghi chú:*

(1) Thuyết minh từng dự án/nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, thời gian thực hiện, tổng mức kinh phí được phê duyệt, lũy kế kinh phí đã bố trí đến hết năm hiện hành.

(2) Thuyết minh chi tiết theo từng nội dung cụ thể.

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 44.2

Chương: .....

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM...**

*(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đơn vị tính đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đơn vị tính đồng)
A	B	1	2	3	4=2x3
I	<b>Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</b>				
1	Đơn vị...				
a	Danh mục A				
	....				
2	Đơn vị...				
a	Danh mục A				
	...				
II	<b>Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên</b>				
1	Đơn vị...				
a	Danh mục A				

	....				
2	Đơn vị...				
	Danh mục A				
	...				
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên				
1	Đơn vị...				
a	Danh mục A (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)				
b	Danh mục B (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)				
c	...				
2	Đơn vị...				
	....				
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)				
1	Đơn vị...				
	...				

Ghi chú (1):  $\text{Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên} = \text{Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền} \times \text{Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.}$

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 45.1

Chương: .....

### THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính).

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
I	Tổng chi		
1	Kinh phí chi thường xuyên		

a	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết định)		
b	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)		
<b>2</b>	<b>Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên</b>		
a	Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ		
b	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp		
d	Vốn đối ứng dự án		
đ	....		
<b>II</b>	<b>Tổng chi tại phần I nêu trên chi tiết theo từng lĩnh vực hoạt động kinh tế như sau:</b>		
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giao thông</b>		
a	<i>Chi hoạt động kinh tế đường bộ</i>		
	- Bảo trì công trình đường bộ		
	- Quản lý công trình đường bộ		
	...		
b	<i>Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa</i>		
	- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên		
	- Sửa chữa không thường xuyên đường thủy nội địa		
	....		
c	<i>Chi hoạt động kinh tế hàng không</i>		
	- Hoạt động an ninh, an toàn hàng không		
	...		
d	<i>Chi hoạt động tìm kiếm cứu nạn hàng hải</i>		
	- Hoạt động thường xuyên tìm kiếm cứu nạn		
	...		
đ	<i>Chi hoạt động đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>		
e	<i>Chi hoạt động kinh tế đường sắt</i>		
g	<i>Chi hoạt động kinh tế hàng hải</i>		

<i>h</i>	<i>Chi hoạt động giao thông khác</i>		
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp</b>		
<i>a</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp</i>		
	- Khuyến nông		
	- Chương trình giống		
	- Sự nghiệp thú y		
	- Sự nghiệp bảo vệ thực vật		
	- Điều tra cơ bản về nông nghiệp		
	...		
<i>b</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế thủy lợi</i>		
	- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đê điều		
	- Chi phòng chống thiên tai		
	- Điều tra cơ bản về thủy lợi		
	...		
<i>c</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế thủy sản</i>		
	- Hoạt động kiểm ngư		
	- Bảo vệ nguồn lợi thủy sản		
	- Điều tra cơ bản về thủy sản		
	...		
<i>d</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế lâm nghiệp</i>		
	- Bảo vệ và phát triển rừng		
	- Hoạt động lực lượng kiểm lâm		
	- Điều tra cơ bản về lâm nghiệp		
	...		
<i>đ</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp khác</i>		
	...		
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp tài nguyên</b>		
<i>a</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế đo đạc bản đồ và viễn thám</i>		
	- Đo đạc và bản đồ		
	- Viễn thám		

	...		
<b>b</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế đất đai</b>		
	- Điều tra cơ bản về đất đai		
	- Chi hoạt động khác		
	...		
<b>c</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế địa chất khoáng sản</b>		
	- Điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản		
	- Các hoạt động khác		
	...		
<b>d</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế tài nguyên nước</b>		
	- Điều tra cơ bản về tài nguyên nước		
	- Các hoạt động khác		
	...		
<b>đ</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế biển và hải đảo</b>		
	- Điều tra cơ bản về biển và hải đảo		
	- Các hoạt động khác		
	...		
<b>e</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu</b>		
	- Hoạt động dự báo khí tượng thủy văn		
	- Hoạt động liên quan đến biến đổi khí hậu		
	- Điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu		
	...		
<b>g</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế tài nguyên khác</b>		
	...		
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp thương mại, công nghiệp</b>		
<b>a</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế thương mại</b>		
	- Hoạt động xúc tiến thương mại		
	- Hoạt động thương mại điện tử		
	- Điều tra cơ bản về thương mại		
	...		

<i>b</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế công nghiệp</i>		
	- Khuyến công		
	- Điều tra cơ bản về công nghiệp		
	...		
<i>c</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế công thương khác</i>		
	...		
<b>5</b>	<b>Chi sự nghiệp xây dựng</b>		
<i>a</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế xây dựng</i>		
	- Điều tra cơ bản xây dựng		
	...		
<i>b</i>	<i>Chi hoạt động xây dựng khác</i>		
	...		
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp....</b>		
<b>7</b>	<b>Chi nhiệm vụ quy hoạch</b>		
<b>8</b>	<b>Chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia</b>		
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Mặt hàng A</i>		
	<i>Mặt hàng B</i>		
	<i>(ghi rõ từng mặt hàng, đơn giá)</i>		
<b>9</b>	<b>Trợ giá giữ đàn giống gốc</b>		
<b>10</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế khác</b>		
	...		

Ghi chú: Thuyết minh chi tiết, cụ thể theo từng nội dung phân bổ, giao dự toán.

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 45.2

Chương: .....

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN ĐIỀU TRA CƠ BẢN VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH NĂM.....**

*(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Nội dung	Quyết	Thời gian	Tổng	Lũy kế số	Dự toán
--	----------	-------	-----------	------	-----------	---------

		định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	thực hiện từ ... đến ...	mức kinh phí được phê duyệt	bổ trí đến hết năm trước	giao năm...
A	B	1	2	3	4	5
<b>I ĐIỀU TRA CƠ BẢN</b>						
<b>1 Dự án chuyển tiếp</b>						
	- Dự án A					
	- Dự án....					
	.....					
<b>2 Dự án mở mới</b>						
	- Dự án A					
	- Dự án....					
	.....					
<b>II NHIỆM VỤ QUY HOẠCH</b>						
<b>1 Dự án chuyển tiếp</b>						
	- Dự án A					
	- Dự án....					
	.....					
<b>2 Dự án mở mới</b>						
	- Dự án A					
	- Dự án....					
	.....					

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 45.3

Chương: .....

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM....**

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp	Đơn giá sản phẩm (đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên
-----	----------	-------------	--	-------------------------	-------------------------------



			công			(đồng)
A	B	1	2	3	4=2x3	
<b>I</b>	<b>Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá tính đủ chi phí, có khấu hao TSCĐ)</b>					
<b>1</b>	<b>Đơn vị...</b>					
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>					
<i>b</i>	<i>Danh mục B</i>					
	...					
<b>2</b>	<b>Đơn vị...</b>					
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>					
<i>b</i>	<i>Danh mục B</i>					
	...					
<b>II</b>	<b>Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá tính đủ chi phí, không có khấu hao TSCĐ)</b>					
<b>1</b>	<b>Đơn vị...</b>					
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>					
<i>b</i>	<i>Danh mục B</i>					
	....					
<b>2</b>	<b>Đơn vị...</b>					
	<i>Danh mục A</i>					
	<i>Danh mục B</i>					
	...					
<b>III</b>	<b>Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá chưa tính đủ chi phí (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định)</b>					
<b>1</b>	<b>Đơn vị...</b>					

a	Danh mục A (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)				
b	Danh mục B (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)				
c	....				
2	Đơn vị...				
	...				
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)				
1	Đơn vị...				
2	Đơn vị...				
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 46.1

Chương: .....

### THUYẾT MINH TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm....(năm phân bổ)		
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này
A	B	1	2	3	4
	<b>Tổng chi = (I)+(II)+...</b>				
<b>I</b>	<b>Khoản 463</b>				
1.1	Kinh phí giao tự chủ				
1.1.1	Quỹ lương (1)				
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong				

	đó:				
1.1.2.1.	Đoàn ra (2)				
1.1.2.2.	Đoàn vào (3)				
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo (4)				
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa (5)				
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (6)				
...	...				
1.2	<i>Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (7)</i>				
1.2.1	Tên nhiệm vụ...				
1.2.2	Tên nhiệm vụ...				
	...				
<b>II</b>	<b>Khoản..</b>				
	...				

**Tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán kèm theo:**

- (1) Thuyết minh theo các chỉ tiêu của từng đơn vị dự toán: số biên chế được giao, số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ dự toán, lương theo hệ số, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp;
- (2) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn ra, đoàn vào, nước đến công tác, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;
- (3) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn vào, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;
- (4) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên hội nghị, hội thảo, kinh phí dự kiến phân bổ cho từng hội nghị, đơn vị thực hiện;
- (5) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Danh mục mua sắm, sửa chữa theo số lượng, khối lượng, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị thực hiện mua sắm, sửa chữa;
- (6) và (7) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền và đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 46.2

Chương: .....

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH  
NĂM.....**

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Tên loại, khoản	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm phân bổ			Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN nơi đơn vị giao dịch
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc		
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng chi						
	<b>1 Đơn vị A</b>						
1.1	<i>Kinh phí giao tự chủ</i>						
1.1.1	Quỹ lương						
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:						
1.1.2.1.	Đoàn ra						
1.1.2.2.	Đoàn vào						
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo						
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa						
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (1)						
...	....						
1.2	<i>Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (1)</i>						
	...						
	<b>2 Đơn vị B</b>						
	....						

(1) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Mẫu biểu số 46.3

Chương: .....

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.**

**NĂM.....**

*(Dùng cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

Loại, khoản	Nội dung	Ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)	Năm...(năm phân bổ)		
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc (nếu có)	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này (nếu có)
A	B	1	2	3	4
	<b>Tổng chi (Kinh phí giao không thực hiện tự chủ)</b>				
	1Loại..., khoản...				
1.1	<i>Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội (đối với các hội có tính chất đặc thù theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)</i>				
1.1.1	Quỹ lương (1)				
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:				
1.1.2.1.	Đoàn ra (2)				
1.1.2.2.	Đoàn vào (3)				
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo (4)				
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa (5)				
1.1.2.5.	Các nhiệm vụ đặc thù (6)				
1.2	<i>Kinh phí nhà nước giao gắn với nhiệm vụ của Nhà nước (7)</i>				
1.2.1	Tên nhiệm vụ...				
1.2.2	Tên nhiệm vụ...				
	....				
	2Loại..., khoản...				
	....				



							hỗ trợ khác cho TB)																	
A	B	1	2	3	4= 5+6+ 7	5	6	7	8	9	10	11	12	13= 14+1 5	14	15	16	17=18+ 19+20	18	19	20	21= 22+2 3	22	23
	Dự toán I BTC giao																							
	II Chưa phân bổ																							
	II Phân bổ I lần...																							
	Cục 1 Người có công																							
	1 Tên địa phương																							
	2																							
	63																							

Bộ, cơ quan Trung ương:.....

Chương:.....

Mẫu biểu số 47.3

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM .....**

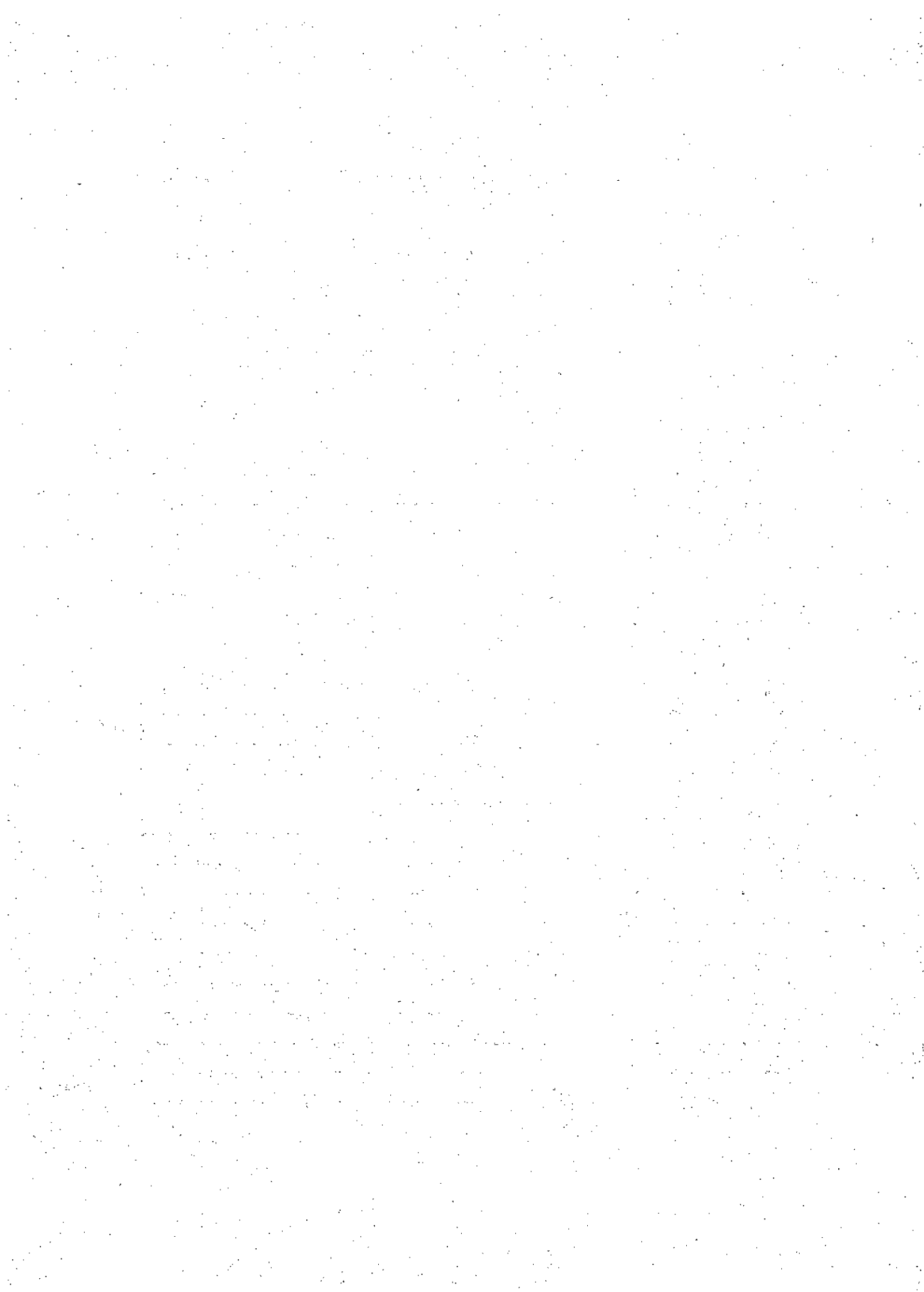
*(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)*

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung chi	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM .... (NĂM HIỆN HÀNH)			DỰ TOÁN NĂM ..... (NĂM PHÂN BỐ)		
		Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ theo các chế độ	Mức chi bình quân một tháng theo dự toán được giao	Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ theo các chế độ	Mức chi bình quân một tháng theo dự toán được giao
A	B	1	2	3	4	5	6
1	BHYT cho đối tượng BHXH						
2	Lương hưu						
3	Công nhân cao su						
4	Mất sức lao động, trợ cấp 91						
5	TN LĐ-BNN và NPV người bị TN						
6	Trợ cấp tuất						
7	Trợ cấp mai táng						
8	Cấp phương tiện trợ giúp, DCCH						
9	Trợ cấp hàng tháng QĐ 613						
10	Trợ cấp khu vực						
11	Chi phí chi trả						







Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, cơ quan cấp huyện):.....

Mẫu biểu số 48.

Chương:.....

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM .....**

*Đơn vị: (Đơn vị sử dụng ngân sách)*

*Mã số: (Đơn vị sử dụng ngân sách)*

*Mã KBNN nơi giao dịch*

*(Kèm theo quyết định (theo mẫu B, mẫu C) số:..... của.....)*

*Đơn vị: 1000 đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>2.1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2.2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	

<b>3.2</b>	<b>Phí</b>	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước (I)</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình</b>	

9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	.....	

*Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, cơ quan cấp huyện):.....

Mẫu biểu số 49

Chương:.....

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM .....**

*(Kèm theo quyết định (theo mẫu B, mẫu C) số: ..... của .....)*

*Dùng cho các Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh (Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện) báo cáo Sở Tài chính (Phòng Tài chính), kho bạc nhà nước tỉnh (kho bạc nhà nước huyện)*

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị ....
A	B	1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				

<b>2.1</b>	<b>Chi sự nghiệp .....</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2.2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>				
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình</b>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	.....				
	<b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>				
	<b>Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch</b>				

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

## BỘ TÀI CHÍNH

Mẫu biểu số 50

### TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSNN THÁNG.... NĂM....

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ và các cơ quan có liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỶ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5

<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN</b>					
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>					
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSNN</b>					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi dự trữ quốc gia					
3	Chi trả nợ lãi					
4	Chi viện trợ					
5	Chi thường xuyên					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSNN/ BỘI THU NSNN</b>					
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>					

**BỘ TÀI CHÍNH**

**Mẫu biểu số 51**

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG ..... NĂM.....**  
(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ và các cơ quan liên quan)

*Đơn vị: Tỷ đồng*

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ ....THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỶ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5



	<b>TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</b>					
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuế mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
<b>II</b>	<b>Thu từ đầu thô</b>					
<b>III</b>	<b>Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					

	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>					

**BỘ TÀI CHÍNH**

Mẫu biểu số 52

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN THÁNG.... NĂM .....**

(Dùng cho Bộ Tài chính dùng để báo cáo Chính phủ và các cơ quan liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỶ NĂM...
A	B	1	2	3	4	5
	<b>TỔNG SỐ CHI NSNN</b>					
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
<b>II</b>	<b>Chi dự trữ quốc gia</b>					
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi</b>					
<b>IV</b>	<b>Chi viện trợ</b>					

V	Chi thường xuyên					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách					
VIII	Các nhiệm vụ chi khác					

ĐƠN VỊ .....

Mẫu biểu số 53

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG ..... NĂM .....**

(Dùng cho cơ quan thuế, hải quan báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ...THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỶ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5

	<b>TỔNG THU NSNN</b>					
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí <i>Trong đó lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất <i>- Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i> <i>- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i> <i>- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i> <i>- Thu tiền sử dụng đất</i> <i>- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>					
<b>III</b>	<b>Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất					

	nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng					---

**Ghi chú:**

- Mẫu này áp dụng cho cả báo cáo 15 ngày và báo cáo Quý
- Tổng cục thuế báo cáo các chỉ tiêu I, II và III.2
- Tổng cục Hải quan báo cáo các chỉ tiêu III.1

ĐƠN VỊ .....

Mẫu biểu số 54

**THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN QUÝ... NĂM .....**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... QUÝ SO DỰ TOÁN (%)
			QUÝ..	LŨY KẾ... QUÝ	
A	B	1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Thu phí, lệ phí</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng thu</b>				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
<b>2</b>	<b>Thu phí được để lại đơn vị</b>				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				

<b>A</b>	<b>Chi thường xuyên</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính:</b>				
<b>a</b>	Kinh phí giao tự chủ				
	Quỹ lương				
	Chi thường xuyên theo định mức				
	Các khoản chi đặc thù ngoài định mức:				
	(chi tiết theo các khoản chi)				
	...				
<b>b</b>	Kinh phí không giao tự chủ				
	Chi tiết theo các khoản chi				
<b>2</b>	<b>Chi quốc phòng</b>				
<b>3</b>	<b>Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>				
<b>4</b>	<b>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>				
<b>5</b>	<b>Chi khoa học và công nghệ</b>				
<b>6</b>	<b>Chi y tế, dân số và gia đình</b>				
<b>7</b>	<b>Chi văn hóa thông tin</b>				
<b>8</b>	<b>Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
<b>9</b>	<b>Chi thể dục thể thao</b>				
<b>10</b>	<b>Chi bảo vệ môi trường</b>				
<b>11</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
<b>12</b>	<b>Chi TX khác...</b>				
	....				
<b>B</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>				
<b>1</b>	<b>Chi các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể</b>				
<b>2</b>	<b>Chi quốc phòng</b>				
<b>3</b>	<b>Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>				
<b>4</b>	<b>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>				
<b>5</b>	<b>Chi khoa học và công nghệ</b>				
<b>6</b>	<b>Chi y tế, dân số và gia đình</b>				
<b>7</b>	<b>Chi văn hóa thông tin</b>				
<b>8</b>	<b>Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				

9	Chi thể dục thể thao				
10	Chi bảo vệ môi trường				
11	Chi bảo đảm xã hội				
12	Chi ĐT khác...				
C	Chi dự trữ				
D	Chi cải cách lương				
E	Chi CTMTQG, CTMT				
1	Chương trình MTQG				
a	CTMTQG giảm nghèo bền vững				
	Dự án.....				
b	CTMTQG phát triển nông thôn mới				
	Nội dung....				
2	Chương trình mục tiêu				
va	....				

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

Mẫu biểu số 55

**TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP THÁNG.... NĂM....**

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỶ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu cân đối NSNN					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					

<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>					
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>					
<b>I</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi trả nợ lãi					
3	Chi thường xuyên					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng NSNN					
6	Các nhiệm vụ chi khác					
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>					
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>					
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>					

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ....

Mẫu biểu số 56

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG ..... NĂM .....**

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỶ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>					
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					



4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	<i>Trong đó lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>					
<b>III</b>	<b>Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng, hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					

	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>					
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ....

Mẫu biểu số 57

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSDP THÁNG.... NĂM .....**

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỶ NĂM...
A	B	1	2	3	4	5
	<b>TỔNG SỐ CHI NSDP</b>					
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>					
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
<b>II</b>	<b>Chi trả nợ lãi</b>					
<b>III</b>	<b>Chi thường xuyên</b>					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					

3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
<b>VI</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>					
<b>VII</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>					
<b>VIII</b>	<b>Các nhiệm vụ chi khác</b>					
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>					
1	Chương trình MTQG					
2	Cho chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					



ĐƠN VỊ....., MÃ SỐ:.....

Mẫu biểu số 58

MÃ CHƯƠNG:.....

MÃ KBNN GIAO DỊCH:.....

**SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP CỦA ĐƠN VỊ DỰ TOÁN ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG  
NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP  
NĂM ..... CHUYỂN SANG NĂM .....**

*(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)*

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí (1)	Loại, Khoản	Mục, Tiểu mục	Số dư tài khoản tiền gửi
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thường xuyên<sup>(2)</sup></b>				
a	- Kinh phí được giao tự chủ				
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm.....				
...	....				
<b>2</b>	<b>Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)</b>				
	.....				

**Ghi chú:**

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện;



<b>1</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN<sup>(4)</sup></b>									
a	- Kinh phí được giao tự chủ									
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm .....									
...	.....									
<b>2</b>	<b>Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)</b>									
<b>3</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (5)</b>									
1	Dự án A									
2	....									

**Ghi chú: Mẫu biểu sử dụng cho cả chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển.**

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện.

(2) Dự toán năm trước chuyển sang, gồm: số dư dự toán và số dư tạm ứng năm trước được chuyển sang năm sau.

(3) Dự toán điều chỉnh là hiệu số giữa số bổ sung với số giảm dự toán trong năm; nếu dương thì ghi dấu cộng (+), nếu âm thì ghi dấu trừ (-).

(4) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

(5) Đối với chi đầu tư phát triển, số dư dự toán, số dư tạm ứng (chưa thanh toán) chi đầu tư phát triển được chuyển sang năm sau theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

**KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị**  
(Ghi rõ tổng số của các chỉ tiêu ở cột số 5, 9, 10, 11)

...., ngày ... tháng ... năm ....  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)





- Bổ sung có mục tiêu									
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)									
- Bội chi = chi - thu <sup>1</sup>									
B Vay của ngân sách cấp tỉnh <sup>1</sup> (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)					B Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc) <sup>1</sup>				

Ngày tháng năm  
**GIÁM ĐỐC KBNN.....**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Ngày tháng năm  
**CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

....., ngày tháng năm  
**TM. UBND .....**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng; <sup>1</sup> Ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã không có nội dung này.

*(Cơ quan tài chính ký đối với ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, kế toán đối với NS cấp xã)*

UBND .....

Mẫu biểu số 61

**QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP NĂM .....**  
*(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)*

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách	So sánh QT/DT (%)
-----	----------	-------------	----------------	-----------------------------------	-------------------



















<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>								
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực</b>								
1.1	Chi quốc phòng								
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội								
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
1.4	Chi Khoa học và công nghệ								
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình								
1.6	Chi Văn hóa thông tin								
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn								
1.8	Chi Thể dục thể thao								
1.9	Chi Bảo vệ môi trường								
1.10	Chi các hoạt động kinh tế								
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								
1.12	Chi Bảo đảm xã hội								
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác								
<b>2</b>	<b>Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công</b>								
<b>3</b>	<b>Chi đầu tư phát triển khác</b>								
<b>II</b>	<b>Chi trả nợ lãi vay theo quy định</b>								
<b>III</b>	<b>Chi thường xuyên</b>								

2.1	Chi quốc phòng								
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội								
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
2.4	Chi Khoa học và công nghệ								
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình								
2.6	Chi Văn hóa thông tin								
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn								
2.8	Chi Thể dục thể thao								
2.9	Chi Bảo vệ môi trường								
2.10	Chi các hoạt động kinh tế								
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								
2.12	Chi Bảo đảm xã hội								
2.13	Chi khác								
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>								
<b>V</b>	<b>Chi chuyển nguồn</b>								
<b>B</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>								
1	Bổ sung cân đối								
2	Bổ sung có mục tiêu								
	<i>Tr. đó: - Bảng nguồn vốn trong nước - Bảng nguồn vốn ngoài nước</i>								

<b>C</b>	<b>CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>								
	<b>TỔNG SỐ (A+B+C)</b>								

Ngày tháng năm  
**GIÁM ĐỐC KBNN.....**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Ngày tháng năm  
**CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

....., ngày tháng năm  
**TM. UBND .....**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chi tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

- Cột (1) chỉ phản ánh những chi tiêu TW giao ở dòng tương ứng

(1) - Phản ánh các khoản chi từ nguồn thu đơn vị được để lại chi theo chế độ quy định

**CƠ QUAN BÁO CÁO**

**Mẫu biểu số 63**

**QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP THEO MỤC LỤC NSNN**  
*(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)*

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Mục	Tiểu mục	NSNN	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)								


*Ngày tháng năm*  
**GIÁM ĐỐC KBNN.....**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*....., ngày tháng năm*  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**CƠ QUAN BÁO CÁO**

**Mẫu biểu số 64**

**QUYẾT TOÁN CHI, TRẢ NỢ NSDP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM....**  
*(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)*

Đơn vị: đồng

<b>Cấp</b>	<b>Chương</b>	<b>Loại</b>	<b>Khoản</b>	<b>Mục</b>	<b>Tiểu mục</b>	<b>Số QT</b>
<b>Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)</b>						

Ngày tháng năm  
**GIÁM ĐỐC KBNN.....**  
(Ký tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH**  
(Ký tên, đóng dấu)

**CƠ QUAN BÁO CÁO**

**Mẫu biểu số 65**

**QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC LỤC NSNN NĂM.....**  
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)						

--	--	--	--	--	--	--

Ngày tháng năm  
**GIÁM ĐỐC KBNN.....**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**CÁN BỘ TRÌNH**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

....., ngày tháng năm....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**CƠ QUAN BÁO CÁO**

**Mẫu biểu số 66**

**THUYẾT MINH TĂNG, GIẢM CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM .....**  
*(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)*

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5
	<b>Số quyết toán chi tăng, giảm so với dự toán</b>					
1	Do chính sách thay đổi					
	- Phụ cấp đặc biệt					
	- Phụ cấp khu vực					
	...					
2	Nhiệm vụ chi đột xuất được bổ sung					

	...					
	...					
3	Tăng, giảm biên chế so với dự toán					
	- Số biên chế tăng, giảm					
	- Số kinh phí tăng, giảm					
4	Mua sắm tài sản					
	Trong đó: - Số ô tô					
	- Số kinh phí					
5	Sửa chữa trụ sở làm việc					
	....					

Ghi chú: Trường hợp (giảm) thì ghi số âm (có dấu trừ ở trước)

**CÁN BỘ TRÌNH**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH**  
(Ký tên, đóng dấu)

**CƠ QUAN BÁO CÁO**

**Mẫu biểu số 67**

**THUYẾT MINH**  
**CHI KHÁC PHỤC HỤT QUẢ THIÊN TẠI NĂM.....**  
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)



Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
A	B	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>Tổng nguồn</b>				
I	Nguồn trong nước				
1	Trung ương bổ sung				
2	Các tổ chức, cá nhân trong nước ủng hộ				
3	Nguồn của NSDP				
	Tr.đó: - Từ nguồn dự phòng				
	- Từ quỹ dự trữ tài chính				
	- Từ nguồn tăng thu				
	- Từ nguồn thương vượt thu				
	- Từ nguồn khác				
4	Các nguồn khác				
II	Nguồn viện trợ nước ngoài				
<b>B</b>	<b>Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP</b>				
I	Chi đầu tư XD CB				
II	Chi thường xuyên				
1	Chi sự nghiệp kinh tế				
2	Chi giáo dục				
3	Chi y tế				

4	Chi đảm bảo xã hội				
	....				

**CÁN BỘ TRÌNH**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH**  
(Ký tên, đóng dấu)

**CƠ QUAN BÁO CÁO**

Mẫu biểu số 68

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG  
NGUỒN DỰ PHÒNG, TĂNG THU VÀ THƯỜNG VƯỢT DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM....**  
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Dự phòng	Tăng thu	Thường vượt dự toán thu	
A	B	1	2	3	4	5
A	Tổng nguồn					
B	Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP					
I	Chi đầu tư XD CB					
II	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn doanh nghiệp (nếu có theo phân cấp)					
III	Chi thường xuyên					
1	Chi sự nghiệp kinh tế					

2	Chi giáo dục					
3	Chi y tế					
4	Chi đảm bảo xã hội					
...	...					

**CÁN BỘ TRÌNH**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo dùng các chi tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

**CƠ QUAN BÁO CÁO**

**Mẫu biểu số 69**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM .....**

(Dùng đơn vị dự toán cấp I các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp; UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm.....		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
<b>I</b>	<b>Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra các năm trước còn tồn tại chưa xử lý</b>							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							
	Chi tiết: ....							

	...							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							
	<i>Chi tiết:....</i>							
	....							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách:							
	<i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>							
	<i>- Chi thường xuyên</i>							
b	Cơ quan tài chính giám trừ cấp phát							
	<i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>							
	<i>- Chi thường xuyên</i>							
4	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay							
	<i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>							
	<i>- Chi thường xuyên</i>							
<b>II</b>	<b>Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra năm nay</b>							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							
	<i>Chi tiết: ....</i>							
	...							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							

	<i>Chi tiết:....</i>							
	...							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách:							
	<i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>							
	<i>- Chi thường xuyên</i>							
b	Cơ quan tài chính giám trừ cấp phát							
	<i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>							
	<i>- Chi thường xuyên</i>							
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau							
	<i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>							
	<i>- Chi thường xuyên</i>							
<b>III</b>	<b>Các vấn đề khác liên quan cần giải trình</b>							
	.....							

....., ngày tháng năm....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/CHỦ TỊCH UBND**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**CƠ QUAN BÁO CÁO:**

**Mẫu biểu số 70**



## PHỤ LỤC 2

### DANH MỤC MẪU QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

SỐ THỨ TỰ MẪU	NỘI DUNG MẪU	CƠ QUAN BÁO CÁO VÀ CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO
Mẫu A:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm....	Dùng cho: - Bộ, cơ quan Trung ương giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Bộ, cơ quan Trung ương gửi Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước
Mẫu B:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm....	Dùng cho: - Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh gửi Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước cùng cấp
Mẫu C:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm....	Dùng cho: - Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện gửi Phòng Tài chính và Kho bạc Nhà nước cùng cấp

Mẫu A

BỘ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....(ĐV)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### QUYẾT ĐỊNH <sup>(1)</sup>

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....

BỘ TRƯỞNG BỘ .....

- Căn cứ Nghị định số ..... ngày ..... của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ .....

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân

sách nhà nước năm .....;

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán ngân sách nhà nước năm;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm ..... cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ... theo phụ lục<sup>(2)</sup> đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm ..... được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính (3);
- KBNN (4);
- Đơn vị sử dụng ngân sách (5);
- KBNN nơi giao dịch (5) (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu.....

**Ghi chú:**

(1) Mẫu này áp dụng cho các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương.

(2) Mẫu biểu số 36, 37 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(3) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 36, 37 và thuyết minh phân bổ theo mẫu biểu số 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46 và 47 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(4) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 37 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(5) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 36 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

**Mẫu B**

SỞ .....

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../.....(ĐV)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH** <sup>(1)</sup>

**Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....**



**GIÁM ĐỐC SỞ .....**

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Ủy ban nhân dân... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở .....

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Ủy ban nhân dân ..... về giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm ..... cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở... theo phụ lục<sup>(2)</sup> đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm ..... được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính<sup>(3)</sup>;
- KBNN tỉnh (thành phố)<sup>(4)</sup>;
- Đơn vị sử dụng ngân sách<sup>(5)</sup>;
- KBNN nơi giao dịch<sup>(5)</sup> (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu .....

**Ghi chú**

- (1) Mẫu này áp dụng cho các sở, ban, ngành thuộc cấp tỉnh;
- (2) Mẫu biểu số 48, 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.
- (3) Mẫu biểu số 48, 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.
- (4) Mẫu biểu số 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.
- (5) Mẫu biểu số 48 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

**Mẫu C**

**PHÒNG .....**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: ...../.....(ĐV)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH<sup>(1)</sup>**

**Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....**

**TRƯỞNG PHÒNG .....**

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Ủy ban nhân dân... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng ....
- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Ủy ban nhân dân ..... về giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....
- Căn cứ ý kiến của Phòng Tài chính tại văn bản số ..... ngày..... về phương án phân bổ ngân sách năm....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm ..... cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng... theo phụ lục<sup>(2)</sup> đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm .... được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TRƯỞNG PHÒNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Phòng Tài chính<sup>(3)</sup>...;
- KBNN huyện<sup>(4)</sup> (thị xã,...);
- Đơn vị sử dụng ngân sách<sup>(5)</sup>;
- Lưu .....

**Ghi chú:**

- (1) Mẫu này áp dụng cho các phòng, ban thuộc cấp huyện;
- (2) Mẫu biểu số 48, 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.
- (3) Mẫu biểu số 48, 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.
- (4) Mẫu biểu số 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.
- (5) Mẫu biểu số 48 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.